

Bản án số: **18/2021/HSST**
Ngày 04-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Tiến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/HSST, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thạch Kim M**, sinh năm 1967; Tại: tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký NKTT: số 359 PVD, phường TH, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; Trú tại: thôn ĐB, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thạch Kim H, sinh năm 1938 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị B sinh năm 1939; Vợ bị cáo: Trần Thị Như H, sinh năm 1975; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, Tiền sự: Không; Về nhân thân:

- Ngày 30/09/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xử phạt 02 năm tù về tội Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 305 BLHS (Tại Bản án số 50/2020/HS-ST ngày 30/09/2020).

- Ngày 09/12/2020 bị UBND tỉnh Đắc Nông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép với số tiền 60.000.000 đồng (đã đóng tiền phạt)

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Trần Thị Như H**, sinh năm 1975; Tại: tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký NKTT: số 359 PVD, phường TH, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; Trú tại:

thôn ĐB, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Minh K, sinh năm 1934; Con bà: Vũ Thị C, sinh năm 1943; Chồng bị cáo: Thạch Kim M, sinh năm 1967; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, Tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày khởi tố bị can (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

- *Nguyên đơn dân sự*: Chi cục thuế khu vực ĐS; Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B – Chi cục trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H – Đội trưởng Đội kiểm tra thuế Chi cục Thuế khu vực ĐS (Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-CCTKV, ngày 19/4/2021) (Có mặt)

- *Bị đơn dân sự*: Công ty TNHH TL; Địa chỉ: thôn ĐB, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Người đại diện theo pháp luật: Ông Thạch Kim M, sinh năm 1967; Chức vụ: Giám đốc (là bị cáo trong vụ án) (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Công ty TNHH TQ; Địa chỉ: số 43 TP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Q (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH AV; Địa chỉ: số 27 ĐVN, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương An H (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Công ty TNHH xây dựng ĐN; Địa chỉ: số 102 PDL, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Bà Tường Thị Huyền T; Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T (theo giấy ủy quyền số 08/UQ-NT, ngày 23/3/2021) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Công ty TNHH vận tải TN ; Địa chỉ: buôn E, xã KN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Công ty TNHH xây dựng B; Địa chỉ: số 90 NCT, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T (Vắng mặt)

6. Công ty TNHH MTV in Đ; Địa chỉ: số 45 NTT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hoàng H (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH TL được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 63.02.000147, ngày 11/4/2006, Mã số thuế: 6000454741, có trụ sở chính tại thôn ĐB, xã M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có khai thác và chế biến đá các loại làm vật liệu xây dựng. Công ty do Thạch Kim M, sinh năm 1967, HKTT: 359 PVĐ, P. TH, TP. B, tỉnh Đắk Lắk làm Giám đốc (là người đại diện theo pháp luật của công ty); Trần Thị Như H, sinh năm 1975, HKTT: 359 PVĐ, P. TH, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (vợ của Thạch Kim M), là thành viên góp vốn và là kế toán của công ty.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty TNHH TL do Thạch Kim M làm giám đốc không hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế dẫn đến nợ tiền thuế của Nhà nước. Ngày 07/5/2018, Chi cục thuế huyện Đ (nay là Chi cục thuế khu vực ĐS) ra Quyết định số 242/QĐ-CCT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng (thời gian áp dụng cưỡng chế từ ngày 09/5/2018 đến ngày 08/5/2019), Thông báo số 563/TB-CTT về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty TNHH TL. Trong thời gian bị cưỡng chế do không có hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) để sử dụng trong việc bán hàng hóa. Ngày 17/8/2018 Thạch Kim M ký hợp đồng số 00191/2018/HĐ-IN để tự đặt in 10 quyển hóa đơn GTGT số lượng 500 số, từ số 0000001 đến số 0000500 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P với Công ty TNHH MTV in Đ, địa chỉ 45 NTT, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 05/9/2018, Trần Thị Như H, kế toán của Công ty gửi Thông báo phát hành 500 số hóa đơn đến Chi cục thuế khu vực ĐS bằng hình thức điện tử nhưng bị hệ thống tự động từ chối do Công ty đang trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Mặc dù Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã biết hồ sơ thông báo phát hành 500 số hóa đơn từ số 0000001 đến số 0000500 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P không được Cơ quan thuế chấp nhận do Công ty đang trong thời gian bị cưỡng chế như vậy 500 số hóa đơn này không có giá trị sử dụng nhưng Thạch Kim M vẫn chỉ đạo Trần Thị Như H ký hợp đồng bán đá xây dựng các loại cho 05 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và xuất 17 số hóa đơn GTGT trong 500 số hóa đơn GTGT đã in nhưng không được cơ quan thuế chấp nhận. Trần Thị Như H là người trực tiếp viết các nội dung vào 17 số hóa đơn GTGT, phần chữ ký tại mục người bán hàng trong 17 số hóa đơn GTGT liên giao cho khách hàng được Thạch Kim M sử dụng hộp dấu chữ ký để đóng (không phải chữ ký trực tiếp). Tổng khối lượng hàng hóa bán ra là 10.440 m³ đá xây dựng các loại, thành tiền 2.146.132.724 đồng và thuế GTGT 214.613.272 đồng. Thạch Kim M chỉ đạo cho Trần Thị Như H là kế toán để ngoài sổ sách kế toán không thực hiện việc vào sổ sách kế toán để hạch toán các chi phí đầu vào và các khoản thu có liên quan đến 17 số hóa đơn trên, cũng như không làm hồ sơ khai thuế, phí cho cơ quan thuế và nộp thuế đối với khối lượng là 10.440 m³ đá xây dựng các loại đã bán ra, trốn thuế với tổng số tiền là 474.707.484 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Cụ thể việc mua bán hàng hóa, xuất hóa đơn GTGT như sau:

Năm 2018, Công ty TNHH TL bán cho Công ty TNHH vận tải TN, địa chỉ Buôn E, xã KN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk 2.604m³ đá các loại (*không ký hợp đồng*). Công ty TNHH vận tải TN đã thanh toán làm 03 lần cho Công ty TNHH TL số tiền 400.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản) và số tiền 94.760.000 đồng bằng tiền mặt. Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã xuất 01 hóa đơn GTGT số 0000401 có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P ghi ngày 24/09/2018 cho Công ty TNHH vận tải TN với tổng giá trị hàng hóa bán ra ghi trên hóa đơn là 494.760.000 đồng (*bao gồm: tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 10% ghi trên hóa đơn*). Công ty TNHH vận tải TN đã sử dụng hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế. Khi biết được số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp, doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ kê khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá cho Cơ quan điều tra.

Năm 2018, Công ty TNHH TL bán cho Công ty TNHH xây dựng B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ 90 NCT, P. TA, TP. B, tỉnh Đắk Lắk 995 m³ đá các loại (*hợp đồng số 73/2018/HĐKT, ngày 01/9/2018*). Công ty TNHH xây dựng B đã thanh toán cho Công ty TNHH TL số tiền 240.365.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã xuất 05 hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH xây dựng B với tổng giá trị hàng hóa bán ra ghi trên hóa đơn là 240.365.000 đồng (*bao gồm: tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 10% ghi trên hóa đơn*), gồm các số hóa đơn 0000414 ghi ngày 15/09/2018, 0000428 ghi ngày 30/11/2018, số 0000438 ghi ngày 10/12/2018, số 0000447 ghi ngày 25/12/2018, số 0000448 ghi ngày 27/12/2018, tất cả đều có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P. Công ty TNHH xây dựng B đã sử dụng 05 số hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế. Khi biết được các số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp, doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ kê khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá cho Cơ quan điều tra.

Năm 2018, 2019, Công ty TNHH TL bán cho Công ty TNHH AV, địa chỉ 27 ĐVN, P. E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk 1.556m³ đá các loại thể hiện trên 03 hợp đồng số 051118/HĐKT, ngày 05/11/2018; số 150118/HĐKT, ngày 15/01/2018 và số 070119/HĐKT, ngày 07/01/2019. Công ty TNHH AV đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt cho Công ty TNHH TL số tiền 550.476.000 đồng. Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã xuất 07 số hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH AV với tổng giá trị hàng hóa bán ra ghi trên hóa đơn là 550.476.000 đồng (*bao gồm: tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 10% ghi trên hóa đơn*), gồm các số hóa đơn 0000429 ghi ngày 12/12/2018, số 0000444 ghi ngày 15/12/2018, số 0000446 ghi ngày 15/12/2018, số 0000449 ghi ngày 17/03/2019, số 0000001 ghi ngày 21/06/2019, số 0000003 ghi ngày 21/06/2019, số 0000004 ghi ngày 21/06/2019, tất cả hóa đơn đều có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P. Công ty TNHH AV sử dụng 07 số hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế. Khi biết được số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp, doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ kê khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được

khấu trừ và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá cho Cơ quan điều tra.

Năm 2019, Công ty TNHH TL bán cho Công ty TQ, địa chỉ 43 TP, TP. B, tỉnh Đắk Lắk 4.725m³ đá các loại (*hợp số 01/HĐKT, ngày 01/4/2019*). Công ty Xây dựng TQ đã thanh toán cho Công ty TNHH TL số tiền 1.112.405.000 đồng (*trong đó có khoản 158.300.000 đồng để tiếp tục mua hàng trong thời gian tới*). Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã xuất 03 số hóa đơn GTGT cho Công ty Xây dựng TQ với tổng giá trị hàng hóa bán ra ghi trên 03 hóa đơn là 954.105.000 đồng (*bao gồm: tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 10% ghi trên hóa đơn*), gồm các số hóa đơn 0000408 ghi ngày 02/05/2019, số 0000412 ghi ngày 05/08/2019, số 0000415 ghi ngày 24/10/2019, tất cả hóa đơn đều có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P. Công ty Xây dựng TQ sử dụng 03 số hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế. Khi biết được 03 số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp, doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ kê khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá cho Cơ quan điều tra.

Năm 2019, Công ty TNHH TL bán cho Công ty TNHH xây dựng ĐN, địa chỉ P. TA, TP. B, tỉnh Đắk Lắk 560 m³ đá các loại (*không ký hợp đồng*). Công ty TNHH xây dựng ĐN đã thanh toán cho Công ty TNHH TL số tiền 121.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã xuất 01 số hóa đơn GTGT 0000405 ghi ngày 19/03/2019 có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P cho Công ty TNHH xây dựng ĐN với tổng giá trị hàng hóa bán ra ghi trên hóa đơn là 121.040.000 đồng (*bao gồm: tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 10% ghi trên hóa đơn*). Công ty TNHH xây dựng ĐN sử dụng hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế. Khi biết được số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp, doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ kê khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá cho Cơ quan điều tra.

Ngày 11/11/2019, Chi cục thuế huyện Đ có quyết định số 700/ QĐ-CCT về việc kiểm tra thuế tại Công ty TNHH TL phát hiện công ty đã sử dụng bất hợp pháp 17 hóa đơn GTGT có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P để xuất bán 10.440 m³ đá xây dựng thành phẩm các loại cho 05 doanh nghiệp trên có dấu hiệu trốn thuế. Vì vậy Chi cục thuế khu vực ĐS đã chuyển hồ vụ việc trên đến cơ quan CSĐT công an huyện Đắk Mil để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định ngày 27/8/2020 của Giám định viên tư pháp Nguyễn Thái H theo Quyết định bổ nhiệm số 2521/QĐ-BTC, ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, công tác tại Chi cục thuế khu vực ĐS kết luận: Công ty TNHH TL không kê khai thuế, phí đối với khối lượng đá xây dựng thành phẩm xuất bán 10.440 m³ đá các loại trên 17 số hóa đơn từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2019 với giá trị bán ra chưa thuế GTGT 2.146.132.724 đồng; làm giảm số thuế, phí phải nộp gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền thuế, phí là 474.707.484 đồng. Trong đó: Thuế GTGT: 176.301.309 đồng, Thuế tài nguyên:

158.240.600 đồng, Phí bảo vệ môi trường: 39.315.405 đồng, Thuế thu nhập doanh nghiệp: 100.850.170 đồng.

Tại Bản kết luận giám định ngày 04/9/2020, của Giám định viên tư pháp Nguyễn Thái H theo Quyết định bổ nhiệm số 2521/QĐ-BTC, ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, công tác tại Chi cục thuế khu vực ĐS kết luận: Công ty TNHH TL sử dụng 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P khi chưa hoàn thành việc thông báo phát hành để xuất bán khối lượng đá xây dựng thành phẩm 10.440 m³ đá các loại là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung ngày 04/01/2021, của Giám định viên tư pháp Nguyễn Thái H theo Quyết định bổ nhiệm số 2521/QĐ-BTC, ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, công tác tại Chi cục thuế khu vực ĐS kết luận:

- Việc sử dụng 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P khi chưa hoàn thành việc thông báo phát hành hóa đơn để xuất bán 10.440 m³ đá xây dựng thành phẩm các loại là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, đối với hành vi phát hành hóa đơn Công ty TNHH TL không vi phạm.

- Trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng (*thời gian áp dụng cưỡng chế từ ngày 09/5/2018 đến ngày 08/5/2019*), việc Công ty TNHH TL thì việc đặt in hóa đơn là quyền của Doanh nghiệp nhưng Công ty TNHH TL không được gửi thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế.

Tại Bản kết luận giám định số 210/GĐTL ngày 17/11/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

1. Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A22 và từ A26 đến A39 (*trên 17 hóa đơn giá trị gia tăng (liên 1 và liên 2) mà Công ty TNHH TL đã xuất bán*) so với chữ viết của bị can H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết phần nội dung trên tài liệu giám định ký hiệu A23, A24, A25 do không phải chữ viết trực tiếp nên không tiến hành giám định.

3. Chữ ký mang tên Thạch Kim M dưới mục người bán hàng trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A23 đến A39 không phải chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định.

Tại bản cáo trạng số: 05/CTr-VKS, ngày 05/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H về tội “Trốn thuế” theo điểm b khoản 2 Điều 200 của BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố,

căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về hình phạt:**

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS, Tuyên phạt bị cáo Thạch Kim M mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù giam về tội “Trốn thuế”

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của BLHS, Tuyên phạt bị cáo Trần Thị Như H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Trốn thuế”

*** Về trách nhiệm dân sự:** áp dụng Điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 585 của BLDS. Buộc các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H phải nộp số tiền trốn thuế, phí là 474.707.484 đồng vào ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ số tiền 474.707.484 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông để chuyển vào tài khoản của Chi cục thuế khu vực ĐS.

*** Vật chứng của vụ án:** áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 quyền hóa đơn GTGT số 0000009 có ký hiệu TL/18P từ hóa đơn số 0000401 đến số 0000450; 05 quyền phiếu xuất của Công ty TNHH TL số 0366, 0368, 0375, 0343, 0355; 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P chuyển theo hồ sơ vụ án làm tài liệu chứng cứ;

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 hộp dấu chữ ký của Thạch Kim M có đặc điểm màu xanh – đen (bị vỡ một cạnh) do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Khi được trình bày lời sau cùng các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm sớm trở thành người công dân tốt, sống có ích.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH AV; Công ty TNHH xây dựng ĐN; Công ty TNHH vận tải TN ; Công ty TNHH

MTV in Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Công ty TNHH TQ; Công ty TNHH xây dựng B (Vắng mặt không có lý do) tuy nhiên trong hồ sơ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và cũng không có bất cứ yêu cầu gì đối với các bị cáo cũng như Công ty TNHH TL. Bên cạnh đó việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, Các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H đã khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, không có ý kiến khiếu nại gì về kết quả giám định, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với người liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2018 đến năm 2019, Thạch Kim M làm Giám đốc và Trần Thị Như H là kế toán của Công ty TNHH TL. Mặc dù đã bị Chi cục thuế huyện Đ áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng (*thời gian áp dụng cưỡng chế từ ngày 09/5/2018 đến ngày 08/5/2019*), nhưng Thạch Kim M và Trần Thị Như H đã có hành vi sử dụng bất hợp pháp 17 hóa đơn GTGT có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P khi chưa hoàn thành việc thông báo phát hành hóa đơn để xuất bán 10.440 m³ đá xây dựng thành phẩm các loại. Thạch Kim M đã chỉ đạo cho Trần Thị Như H là kế toán không thực hiện việc ghi chép vào sổ sách kế toán của công ty (*đề ngoài sổ sách kế toán*), không nộp hồ sơ khai thuế, phí và nộp thuế cho cơ quan Thuế đối với khối lượng 10.440 m³ đá xây dựng trên 17 số hóa đơn GTGT hàng hóa đã xuất bán để trốn thuế, phí với tổng số tiền là 474.707.484 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H đã phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của BLHS.

Điều 200 BLHS quy định.

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) ...; không nộp hồ sơ khai thuế; ...;

b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

...

b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

... ”

Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm hại đến các quy định về quản lý thuế và các quy định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng hóa đơn của Nhà nước; gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế, gây tiêu cực về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Bản thân các bị cáo mặc dù vẫn thấy được hậu quả của việc trốn thuế, nhận thức được sự nghiêm khắc của pháp luật khi phát hiện có hành vi trốn thuế, tuy nhiên, vì mục đích vụ lợi đã có hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Các bị cáo trong vụ án phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, đều có vai trò thực hành. Bị cáo Thạch Kim M là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định mọi hoạt động của Công ty, là người trực tiếp chỉ đạo cho Trần Thị Như H (cũng vợ của bị cáo Thạch Kim M) là thành viên góp vốn và là kế toán của công ty để ngoài sổ sách kế toán không thực hiện việc vào sổ sách kế toán để hạch toán các chi phí đầu vào và các khoản thu có liên quan đến 17 số hóa đơn trên, cũng như không làm hồ sơ khai thuế, phí cho cơ quan thuế và nộp thuế đối với khối lượng là 10.440 m³ đá xây dựng các loại đã bán ra, trốn thuế với tổng số tiền là 474.707.484 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Nên bị cáo Thạch Kim M là người giữ vai trò chính, do đó cần xử phạt bị cáo Thạch Kim M mức án cao hơn bị cáo Trần Thị Như H là phù hợp.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra; Các bị cáo tích cực khắc phục hậu quả gây ra thể hiện qua việc đã tự nguyện nộp đủ số tiền trốn thuế, phí trong quá trình điều tra và trong thời hạn chuẩn bị xét xử. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS cho các bị cáo là phù hợp. Ngoài

ra bị cáo Thạch Kim M bị tổn thương cơ thể do bệnh tỷ lệ 81% và đang được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước; trong thời gian tham gia quân đội được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng III (xác nhận của Lữ đoàn 7 thuộc Quân đoàn 3), ngoài ra bố, mẹ, anh trai bị cáo được Nhà nước tặng Huân, Huy chương kháng chiến hàng nhì và ba do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS cho bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thị Như H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có chồng được tặng thưởng Huân, Huy chương nên cũng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 cho bị cáo mới phù hợp.

Về nhân thân của bị cáo:

- Đối với bị cáo Trần Thị Như H có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì trước đó không có bất cứ vi phạm pháp luật gì.

- Đối với bị cáo Thạch Kim M, tại Bản án số 50/2020/HSST, ngày 30/09/2020 của TAND tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Chế tạo, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo điểm đ khoản 2 Điều 305 BLHS, sau khi xét xử bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án. Hiện tại chưa có kết quả xét xử của cấp Phúc thẩm; Ngày 09/12/2020 bị UBND tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép với số tiền 60.000.000đồng (đã đóng tiền phạt). Bên cạnh đó hành vi phạm tội và hành vi bị xử lý hành chính của bị cáo mặc dù xảy ra sau hành vi trốn thuế nhưng cũng cần xem xét là nhân thân xấu trong lần xét xử này là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo Thạch Kim M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo Trần Thị Như H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bên cạnh đó hoàn cảnh gia đình bị cáo thực sự khó khăn nếu cả hai vợ chồng đều bị giam giữ nên xét về mặt nhân văn cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, sống biết chấp hành pháp luật. Phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH TL thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo quy định tại Điều 8 của Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp quy định: Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Trên danh nghĩa Công ty TNHH TL được hưởng lợi từ việc phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, đối với số tiền trốn

thuế 474.707.484 đồng buộc Công ty TNHH TL có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H đã tự nguyện nộp số tiền 474.707.484 đồng (*Bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng*) vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện M nên cần chấp nhận để chuyển nộp Ngân sách Nhà nước vào tài khoản thu ngân sách của Chi cục thuế khu vực ĐS mở tại Kho bạc Nhà nước huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã tiến hành kê biên tài sản của các bị cáo Thạch Kim M và Trần Thị Như H đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 39 tại thôn ĐB, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS-CSĐT, ngày 17/12/2020, xét thấy các bị cáo vừa là thành viên góp vốn, vừa là giám đốc và kế toán của công ty nên việc kê biên tài sản là cần thiết để bảo đảm cho việc thi hành án là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay các bị cáo đã thực hiện xong việc khắc phục hậu quả nộp đủ số tiền trốn thuế nên cần hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil là phù hợp.

[6] Vật chứng của vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 quyển hóa đơn GTGT số 0000009 có ký hiệu TL/18P từ hóa đơn số 0000401 đến số 0000450; 05 quyển phiếu xuất của Công ty TNHH TL số 0366, 0368, 0375, 0343, 0355; 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P chuyển theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên cần lưu giữ theo hồ sơ.

- Đối với 01 hộp dấu chữ ký của Thạch Kim M có đặc điểm màu xanh – đen (bị vỡ một cạnh) do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[7] Vấn đề khác:

- Đối với việc bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H sử dụng 17 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp để xuất bán cho 05 doanh nghiệp (Công ty TNHH AV; Công ty TNHH xây dựng ĐN; Công ty TNHH vận tải TN ; Công ty TNHH TQ; Công ty TNHH xây dựng B). Quá trình mua bán hoành hóa 05 doanh nghiệp không biết việc Công ty TNHH TL đang trong thời gian bị cưỡng chế hóa đơn và sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Sau khi nhận hóa đơn các đơn vị đã đưa vào kê khai, quyết toán thuế nhưng sau đó khi biết Công ty TNHH TL sử dụng hóa đơn bất hợp pháp 05 doanh nghiệp đã chủ động kê khai điều chỉnh giảm trên tờ khai thuế, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ trước khi cơ quan chức năng phát hiện và giao nộp lại hóa đơn và các tài liệu có liên quan đến việc mua bán đá xây dựng các loại cho Cơ quan điều tra. Vì vậy không có căn cứ để xử lý các doanh nghiệp nêu trên.

- Đối với Công ty TNHH TL đã đáp ứng các điều kiện là pháp nhân thương mại theo Điều 74, Điều 75 và Điều 83 của Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 75 của Bộ luật hình sự 2015 quy định về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của

pháp nhân thương mại. Quá trình thực hiện hành vi trốn thuế với số tiền 474.707.484 đồng, Thạch Kim M là giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; Trần Thị Như H là thành viên góp vốn và là kế toán của công ty không ghi chép vào sổ sách kế toán của công ty để sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân, không phải vì lợi ích của pháp nhân. Vì vậy, không đủ điều kiện để xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty TNHH TL.

- Đối với Công ty TNHH MTV in Đ về trình tự, thủ tục hợp đồng in 500 số hóa đơn GTGT từ số 0000001 đến số 0000500 mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P với bị cáo Thạch Kim M giám đốc Công ty TNHH TL thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Công ty In Đắc Lắc.

- Đối với hành vi của bị cáo Thạch Kim M và Trần Thị Như H sử dụng 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P khi chưa hoàn thành việc thông báo phát hành để xuất bán khối lượng đá xây dựng thành phẩm 10.440 m³ đá các loại là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nhưng theo quy định của pháp luật đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không đề cập xử lý. Đối với hành vi phát hành 17 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TL theo kết luận giám định công ty không vi phạm nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Công ty TNHH TL đã bố trí cho Trần Thị Như H làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán là vi phạm pháp luật về kế toán. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Mil đã có văn bản đề nghị UBND huyện M xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H phạm tội “Trốn thuế”.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Thạch Kim M 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Như H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Như H về cho UBND xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về Trách nhiệm dân sự: áp dụng: Điều 8, Điều 47 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; các Điều 584, Điều 585 của BLDS.

- Chấp nhận việc các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H đã nộp số tiền 474.707.484 đồng (*Bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng*) tiền trốn thuế, phí vào Ngân sách Nhà nước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M để chuyển nộp vào Ngân sách Nhà nước qua tài khoản thu ngân sách của Chi cục thuế khu vực ĐS mở tại Kho bạc Nhà nước huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKBTS-CSĐT, ngày 17/12/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với thửa đất số 102, tờ bản số 39 tại thôn ĐB, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông của các bị cáo Thạch Kim M và Trần Thị Như H.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Căn cứ Điều 106 của BLTTHS:

- Đối với 01 quyển hóa đơn GTGT số 0000009 có ký hiệu TL/18P từ hóa đơn số 0000401 đến số 0000450; 05 quyển phiếu xuất của Công ty TNHH TL số 0366, 0368, 0375, 0343, 0355; 17 số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TL/18P chuyển theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ nên cần lưu giữ theo hồ sơ.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 hộp dấu chữ ký của Thạch Kim M có đặc điểm màu xanh – đen (bị vỡ một cạnh) do không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2020 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk Mil và Chi cục thi hành án dân sự huyện M cùng các bảng kê nộp thuế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M trong các ngày 22/4/2021, 02/6/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Thạch Kim M, Trần Thị Như H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Nguyên đơn dân sự, Bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh Đắk Nông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện Đắk Mil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện M;
-Các bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh